

Số: 63/BB-BQL

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN

Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025

**Đơn vị được xét duyệt: Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế
tỉnh Đồng Tháp
Mã chương: 505**

I. Thành phần thẩm định:

**1. Đại diện đơn vị dự toán được thẩm định: Văn phòng Ban Quản lý
Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp**

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| - Ông Lê Hiếu Nghĩa | Chức vụ: Phó Trưởng ban; |
| - Ông Nguyễn Văn Cần | Chức vụ: Chánh Văn phòng; |
| - Bà Lê Thanh Hương | Chức vụ: Kế toán trưởng; |
| - Bà Đặng Thị Kim Chi | Chức vụ: Kế toán viên. |

2. Đại diện đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Nhật Trường | Chức vụ: Trưởng ban; |
| - Bà Nguyễn Kim Thuận | Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng; |
| - Bà Huỳnh Trân | Chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý
Quy hoạch, Đầu tư và Xây dựng. |

II. Nội dung thẩm định:

1. Phạm vi thẩm định:

Quyết toán ngân sách năm 2025 (bao gồm kinh phí: thường xuyên, không thường xuyên).

2. Số liệu quyết toán

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 64.510.568 đồng
- Số nộp ngân sách nhà nước: 32.932.784 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 31.577.784 đồng

(Số liệu chi tiết theo mẫu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách

*** Quản lý nhà nước**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 24.889.321.223 đồng, trong đó:
 - + Dự toán được giao đầu năm: 11.134.640.150 đồng

- + Dự toán bổ sung trong năm: 13.754.681.073 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 23.770.213.429 đồng
- Kinh phí quyết toán: 23.770.213.429 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 131.829.984 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 78.677.781 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 78.677.781 đồng

*** Sự nghiệp đào tạo**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 102.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán được giao đầu năm: 102.000.000 đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 31.000.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 31.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 71.000.000 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

*** Sự nghiệp kinh tế**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 5.911.870.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán được giao đầu năm: 5.911.870.000 đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 4.896.232.474 đồng
- Kinh phí quyết toán: 4.896.232.474 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 1.015.637.526 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

*** Sự nghiệp môi trường**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 51.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán được giao đầu năm: 51.000.000 đồng
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 46.655.802 đồng

- Kinh phí quyết toán: 46.655.802 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 4.344.198 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

c) Quyết toán nguồn kinh phí được khấu trừ để lại

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 130.747.132 đồng, trong đó:
 - + Số dư tại tài khoản tiền gửi 3712.2.1019914.00000: 113.162.003 đồng
 - + Số dư tại quỹ tiền mặt: 17.585.129 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 31.577.780 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 0 đồng
 - + Điều chỉnh tăng trong năm: 31.577.780 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 162.324.912 đồng
- Kinh phí quyết toán: 10.968.440 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 151.356.472 đồng, trong đó:
 - + Số dư tại tài khoản tiền gửi 3712.2.1019914.00000: 133.771.343 đồng
 - + Số dư tại quỹ tiền mặt: 17.585.129 đồng

d) Quyết toán nguồn hoạt động khác được để lại

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 103.960.819 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 531.067.800 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 0 đồng
 - + Điều chỉnh tăng trong năm: 531.067.800 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 635.028.619 đồng
- Kinh phí quyết toán: 95.236.559 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 539.792.060 đồng

(Số liệu chi tiết theo mẫu 1c đính kèm)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Tổng số liệu quyết toán năm 2025 là **28.744.101.705 đồng** (Hai mươi tám tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm lẻ một nghìn bảy trăm lẻ năm đồng).

Thuyết minh chi tiết kinh phí chuyển sang năm sau, kinh phí huỷ dự toán

+ Chuyển nguồn: 78.677.781 đồng, bao gồm:

* Kinh phí thực hiện tự chủ (Quản lý hành chính): 78.677.781 đồng

+ Kinh phí huỷ dự toán: 2.131.411.737 đồng, bao gồm:

* Kinh phí thực hiện tự chủ (Quản lý hành chính): 131.829.984 đồng, nguyên nhân: huỷ 2% kinh phí công đoàn với số tiền 58.031.064 đồng và kinh phí giảm do công chức chuyển công tác với số tiền 73.798.920 đồng (VB số 335/BQL-VP ngày 11/3/2026)

* Kinh phí không thực hiện tự chủ (Quản lý hành chính): 908.600.029 đồng, nguyên nhân: 597.790.304 đồng (mã nguồn 12, Quản lý hành chính) huỷ dự toán do một số nhiệm vụ không thực hiện; 87.071 đồng (mã nguồn 18, Quản lý hành chính) huỷ dự toán do chi thực tế thấp hơn dự toán được cấp; 310.722.654 đồng (mã nguồn 12, Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu) huỷ dự toán do giảm giá tiết kiệm chi phí, tăng giảm trong quá trình thi công và một số chi phí không thực hiện.

* Kinh phí không thực hiện tự chủ (Sự nghiệp đào tạo): 71.000.000 đồng, nguyên nhân: huỷ dự toán do chi thực tế thấp hơn dự toán được cấp và chưa thực hiện thanh toán do chưa hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ.

* Kinh phí không thực hiện tự chủ (Sự nghiệp kinh tế): 1.015.637.526 đồng, nguyên nhân: huỷ dự toán do một số nhiệm vụ chưa thực hiện trong năm 2025 (do pháp luật về quy hoạch đô thị nông thôn có sự thay đổi và UBND tỉnh cho chủ trương dừng lập quy hoạch chung một số KCN chờ Quy hoạch tỉnh phê duyệt làm cơ sở lập lại quy hoạch các KCN, KKT).

* Kinh phí không thực hiện tự chủ (Sự nghiệp môi trường): 4.344.198 đồng, nguyên nhân: huỷ dự toán do chi thực tế thấp hơn dự toán được cấp.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: -107.103.697.854 đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí mang sang năm sau: 25.841.544 đồng (nguồn thu phí được trích để lại thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết chuyển sang năm sau theo quy định; hiện tại đang để trong tài khoản tiền gửi số 3712.2.1019914.00000 tại Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII – Phòng nghiệp vụ 2).

+ Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau: -107.129.539.398 đồng, trong đó:

* Thâm hụt lũy kế

Thâm hụt lũy kế năm trước mang sang: - 6.790.590 đồng.

Tăng trong năm:	- 6.808.316.779 đồng.
Thâm hụt lũy kế cuối năm:	- 6.815.107.369 đồng.
* Giá trị còn lại tài sản cố định	
Giá trị còn lại năm trước mang sang:	15.394.726.475 đồng.
Số tăng trong năm:	105.761.291.779 đồng.
Số giảm trong năm:	7.211.371.487 đồng.
Số cuối năm:	113.944.646.767 đồng.

Nguyên nhân: Trong năm 2025, đơn vị tiếp nhận, hình thành và ghi tăng nhiều tài sản, công trình kết cấu hạ tầng với giá trị lớn. Theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, khi ghi tăng tài sản, đồng thời phải ghi nhận các khoản chi phí tương ứng theo quy định kế toán. Trong khi đó, các nguồn kinh phí hình thành tài sản đã được ghi nhận vào các năm trước hoặc được phản ánh trên các tài khoản nguồn kinh phí riêng, nên làm cho chỉ tiêu kết quả hoạt động trong năm phát sinh thâm hụt kế toán. Vì vậy, số thâm hụt lũy kế trên báo cáo tài chính chủ yếu là chênh lệch do phương pháp ghi nhận kế toán, không phải là khoản lỗ thực tế hay thiếu hụt ngân sách của đơn vị. Toàn bộ tài sản, công trình hạ tầng đã được hình thành vẫn thuộc sở hữu nhà nước và đang được quản lý, sử dụng theo quy định.

(Chi tiết theo Mẫu biểu 1b đính kèm)

IV. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a. Công tác quyết toán năm

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: chấp hành thời gian nộp báo cáo quyết toán.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, sổ kế toán: đơn vị đã lập đúng mẫu theo quy định của Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính, trình lãnh đạo ký và lưu theo quy định.

- Sổ sách: có mở sổ S101-H (sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước), S03-H (Sổ cái nhật ký chung), S38-H (sổ chi tiết các tài khoản), S105-H (sổ theo dõi kinh phí được khấu trừ, để lại), S106-H (sổ theo dõi kinh phí hoạt động nghiệp vụ), sổ chi tiết các tài khoản, sổ tổng hợp tài khoản.

- Về chứng từ chi: Đơn vị chịu trách nhiệm đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp; thực hiện thu chi theo trình tự, thủ tục, chế độ chi tiêu tại đơn vị thực hiện theo các quy định hiện hành, chứng từ sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.

Qua kiểm tra chọn mẫu một số hồ sơ đã thanh toán và chứng từ kèm theo: chứng từ có đầy đủ chữ ký, thu chi theo mục lục NSNN.

b. Về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công

- Việc xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: Đơn vị có xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 153/QĐ-BQL ngày 17/11/2025).

- Mở sổ theo dõi, kiểm kê tài sản công hằng năm: Đơn vị có mở sổ theo dõi tài sản và kiểm kê tài sản theo quy định.

- Kê khai tài sản công: Đơn vị có thực hiện kê khai tài sản theo quy định.

- Công khai tài sản công: đơn vị có công khai tài sản theo quy định.

c. Về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Nhận xét theo từng nội dung:

- Về công khai dự toán ngân sách: Đơn vị có thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2025 theo đúng quy định.

- Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước: đơn vị có công khai theo quý.

- Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024: Đơn vị có thực hiện theo quy định.

d. Về việc xây dựng và thực hiện Quy chế chỉ tiêu nội bộ: đơn vị có ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ để quản lý chỉ tiêu tại đơn vị, mức chi theo quy định (Quyết định số 79/QĐ-BQL ngày 12/9/2025).

e. Về công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước: đơn vị có thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại đơn vị, cụ thể:

- Kế hoạch số 139/KH-BQL ngày 17/11/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp về việc tự kiểm tra tài chính năm 2025.

- Quyết định số 156/QĐ-BQL ngày 20/11/2025 về việc kiểm tra công tác tài chính năm 2025.

- Biên bản tự kiểm tra tài chính ngày 31/12/2025 và Báo cáo số 161/BC-BQL ngày 31/12/2025 về kết quả công tác kiểm tra tài chính năm 2025.

2. Kiến nghị

- Chịu trách nhiệm về việc chấp hành đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị, kế toán phải kiểm soát chứng từ trước khi thanh toán theo quy định. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về nội dung chi, chứng từ chi trong công tác thanh, quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Kết quả quyết toán, đối chiếu dựa trên hồ sơ, chứng từ, sổ sách do đơn vị cung cấp. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp kiểm tra ngẫu nhiên chứng từ kế toán của đơn vị, không có đối chiếu, xác minh hoá đơn, chứng từ thanh toán, kiểm quỹ tiền mặt, tài sản vật tư. Thủ trưởng và kế toán đơn vị chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của số liệu báo cáo, quyết định chi và chứng từ kế toán của đơn vị.

Biên bản này được lập thành 04 bản (mỗi bên giữ hai bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
VĂN PHÒNG BAN QUẢN LÝ KHU
KINH TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐẠI DIỆN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Kế toán trưởng^{ck} Phó Trưởng ban^{ck} Phó Chánh Văn phòng Trưởng ban






Lê Thanh Hường

Lê Hiếu Nghĩa

Nguyễn Kim Thuận

Nguyễn Nhật Trường





Đơn vị: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp

Mẫu biểu số 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp 1 các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2025		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							
	Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							
	Chi thường xuyên							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							

	Chỉ thường xuyên							
II	Kiểm nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							
	Chỉ thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							
	Chỉ thường xuyên							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó:							
	Xây dựng cơ bản							
	Chỉ thường xuyên							
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình							

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Nhật Trường



Mẫu biểu 1a

SƠ LIỆU THẨM ĐỊNH THU PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2025
ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Dự toán			Thực hiện		
		Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
I	Phí						
1	Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư						
	Tổng số thu	30.000.000	30.000.000		63.155.568	63.155.568	
	Số phải nộp NSNN	15.000.000	15.000.000		31.577.784	31.577.784	
	Số được khấu trừ hoặc để lại	15.000.000	15.000.000		31.577.784	31.577.784	
II	Lệ phí						
1	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng						
	Tổng số thu	1.000.000	1.000.000		1.355.000	1.355.000	
	Số phải nộp NSNN	1.000.000	1.000.000		1.355.000	1.355.000	
	Số được khấu trừ hoặc để lại						



ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
DOANH THU		28.953.811.536	28.953.811.536	
Doanh thu từ kinh phí NSNN		28.822.779.486	28.822.779.486	
Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài				
Doanh thu từ phí được khấu trừ để lại		31.577.784	31.577.784	
Doanh thu tài chính		197.707	197.707	
Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ		95.236.559	95.236.559	
Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu				
- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN				
Thu nhập khác		4.020.000	4.020.000	
CHI PHÍ		39.561.497.487	39.561.497.487	
Chi phí hoạt động không giao tự chủ		22.901.427.108	22.901.427.108	
Chi phí hoạt động giao tự chủ		9.649.403.748	9.649.403.748	
Chi phí tài chính				
Giá vốn hàng bán				
Chi phí bán hàng				
Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
Chi phí khác		7.010.666.631	7.010.666.631	

Chi phí tài sản bàn giao				
CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP				
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM		-10.607.685.951	-10.607.685.951	
ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ GHI NHẬN NĂM TRƯỚC		-96.496.011.903	-96.496.011.903	
THẶNG DƯ/THÂM HỤT TRONG NĂM		-107.103.697.854	-107.103.697.854	
Các khoản phân phối vào quỹ đơn vị				
Nguồn kinh phí mang sang năm sau		25.841.544	25.841.544	
Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau		-107.129.539.398	-107.129.539.398	